TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2023/DS-PT
Ngày 04-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2023/QĐ-PT ngày 25/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 277/2023/QĐ-PT ngày 19/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: 34/35, khu 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số 35 đường Đ, tổ 35, khu phố 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- *Bị đơn*:

1. Bà Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 1970; địa chỉ: số 1477 Đ, khu 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

2. Ông Thái Minh C, sinh năm 1964; địa chỉ: số 1477 Đ, khu 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ hiện nay: khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị vắng mặt

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Hồ Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 30/07/2019, bà H cùng chồng là ông C có khó khăn trong làm ăn nên ngỏ ý mượn bà Đ số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Do quen biết nhiều năm nên bà Đ cho vợ chồng bà H, ông C mượn tiền, tiếp đến khoảng ngày 30/08/2019 bà H, ông C tiếp tục mượn bà Đ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nhưng chỉ giao dịch bằng miệng nên không có giấy tờ và cũng hẹn sẽ trả cùng với số tiền đã mượn trước đó.

Khi vay tiền vào ngày 30/07/2019, bà H viết giấy mượn tiền có ghi tên chồng là ông C, trong giấy mượn tiền ghi rõ "Trong vòng 06 tháng sẽ thanh toán lại đầy đủ số tiền trên cho chị Đ". Tức là ngày 30/01/2020 bà H, ông C phải thanh toán cho bà Đ tổng số tiền đã mượn là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), việc vay tiền có thoả thuận lãi suất là 5%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình đó thì bà H chỉ thanh toán cho bà Đ số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi của 05 tháng.

Khi vay tiền thì chỉ có bà H và bà Đ gặp mặt thoả thuận vay tiền, bà H là người viết giấy vay nợ có ghi tên chồng nhưng không có mặt ông C. Vì vậy, bà Đ xin rút một phần và thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, bà Đ chỉ yêu cầu như sau:

- Buộc bà H phải trả lại cho bà Phạm Thị Đ toàn bộ số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

- Buộc bà H phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc, tạm tính từ thời điểm vay đến ngày 30/3/2023, có làm tròn số tiền và số tháng, cụ thể như sau:

+ Từ ngày 30/7/2019 đến ngày 30/8/2019 (01 tháng), lãi suất là 10%/năm, tính trên số nợ gốc là 100.000.000 đồng, với số tiền lãi là: 833.333 đồng.

+ Từ ngày 01/9/2019 đến 30/4/2022 (31 tháng), lãi suất là 10%/năm, tính trên số nợ gốc là 110.000.000 đồng, với số tiền lãi là: 28.416.666 đồng.

- Từ ngày 01/5/2022 đến 30/3/2023 (11 tháng), lãi suất là 10%/năm, tính trên số nợ gốc là 90.000.000 đồng, với số tiền lãi là: 8.250.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà bà Đ yêu cầu bà H phải thanh toán làm tròn số là: 37.500.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), trừ số tiền lãi bà Đ đã nhận là 20.000.000 đồng, bà Đ yêu cầu bà H tiếp tục thanh toán số tiền lãi 17.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà Đ yêu cầu bà H phải trả là: 107.500.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Việc bà H cho rằng đã thanh toán tiền lãi hàng tháng cũng như việc cộng dồn lãi vào tiền gốc là hoàn toàn không đúng, tiền gốc là tiền mặt bà Đ trực tiếp giao cho bà H. Bà Đ không thừa nhận việc trình bày của bà H. Bà Đ xác định cộng dồn 05 tháng tiền lãi của bà H thanh toán cho bà Đ là 20.000.000 đồng, trả tiền gốc được 20.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Đ không nhận được khoản tiền nào khác từ bà H.

Bị đơn là bà Hồ Thị Ngọc H trình bày:

- Tháng 01/2019, do nhu cầu cần tiền xoay sở công việc làm ăn, bà H vay của bà Đ số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), hình thức vay tiền đứng, hàng tháng đóng lãi 5%/30.000.000 đồng = 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

- 03 tháng sau, bà H mượn tiếp của bà Đ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

02 lần mượn là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), mỗi tháng bà H đóng tiền lãi cho bà Đ 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì bà Đ bỏ mối đường, bà H nợ tiền đường của bà 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tổng cộng nợ 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) và đóng lãi suất 3.250.000 đồng/tháng.

Ngày 30/07/2019, do không có tiền đóng lãi, nên bà Đ cộng vốn 65.000.000 đồng + 3.250.000 đồng tiền lãi = 68.250.000 đồng (sáu mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tới thời điểm này, bà Đ đưa tiền mặt thêm cho bà H 31.750.000 đồng (ba mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cộng nợ cũ là 68.250.000 đồng bằng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Tiền lãi suất từ tháng 07/2019 là 5.000.000 đồng/tháng. Bà H đóng lãi cho đến tháng 6/2021 là 23 tháng, cộng tiền lãi là 115.000.000 đồng

Tháng 07/2021, do dịch COVID 19 bùng phát, nên các tháng 7, 8, 9,10 năm 2021 bà Hương không đóng lãi, bà Đ quy tiền lãi của 4 tháng là 20.000.000 đồng, bà Đ nói thu lãi 10.000.000 đồng và cộng 100.000.000 đồng bằng 110.000.000đồng.

Như vậy đến tháng 11/2021 thì bà H nợ vốn ban đầu cộng lãi suất nợ cộng vào gốc là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Bà H đã trả 20.000.000 đồng còn nợ 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Nay bà Phạm Thị Đ khởi kiện yêu cầu phải thanh toán nợ gốc 90.000.000 đồng thì bà H đồng ý thanh toán nợ gốc nhưng yêu cầu được thanh toán hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi thì bà H không đồng ý thanh toán. Vì bà H đã đóng lãi rất nhiều trong 23 tháng đã vượt vốn 115.000.000 đồng cho bà Đèo, việc đóng lãi không có giấy tờ gì chứng minh.

Khi vay tiền thì bà H là người viết giấy và ký tên, khi đó bà H có ghi tên chồng là ông C nhưng thực tế ông C không biết việc này và cũng không sử dụng tiền vay này.

Ông Thái Minh C trình bày:

Vợ ông C là bà Hồ Thị Ngọc H, suốt thời gian nhiều năm nay, ông C bị bệnh và sống tại khu phố Phú Nghị, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương để điều trị bệnh. Việc vay nợ giữa bà Hồ Thị Ngọc H với bà Phạm Thị Đ, ông C hoàn toàn không tham gia và không ký tên.

Vì vậy, bà Phạm Thị Đ khởi kiện ông C với tư cách là bị đơn thì ông C không đồng ý. Hiện ông C không liên quan gì đến nợ nần của bà Đ, không có bất cứ nghĩa vụ nào liên quan đến vụ kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Đ về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và việc yêu cầu ông Thái Minh C có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho bà Phạm Thị Đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ đối với bị đơn bà Hồ Thị Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Hồ Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Đ số tiền số tiền 107.500.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó có 90.000.000 đồng nợ gốc và 17.500.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 31/3/2023, bà Hồ Thị Ngọc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 13/4/2023 bị đơn bà Hồ Thị Ngọc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về khoản tiền lãi và giảm bớt một phần nợ gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà H đồng ý trả nợ cho bà Đ như quyết định của bản án sơ thẩm nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, bà Đ không đồng ý như yêu cầu của bà H mà phải trả một lần như đã cam kết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, việc bị đơn yêu cầu thanh toán cho nguyên đơn 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, yêu cầu này là không hợp lý và nguyên đơn cũng không đồng ý với yêu cầu của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung vụ án:

Ngày 30/7/2019, giữa bà Đ và bà H đã thoả thuận việc bà Đ cho bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, đến ngày 30/8/2019, bà H tiếp tục vay của bà Đ số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền nợ gốc bà H vay của bà Đ là 110.000.000 đồng. Việc vay tiền giữa bà H và và Đ có lập văn bản (ngày 30/7/2019) và thoả thuận bằng lời nói (ngày 30/8/2019) được bà H và bà Đ thừa nhận. Trong quá trình vay, bà H xác định đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 90.000.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi, hợp đồng vay của các bên là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi (thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày vay và lãi suất thoả thuận là 5%/tháng). Việc thỏa thuận tiền lãi với mức lãi suất 5%/tháng của các bên đương sự là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi theo từng mốc thời gian đối với số tiền nợ gốc thực tế và tính tiền lãi để buộc bị đơn phải thanh toán tính số tròn là 37.500.000 đồng là đúng pháp luật.

Bà H cho rằng đã thanh toán lãi cho bà Đ với mức lãi suất 5%/tháng với số tiền lãi đã trả là 115.000.000 đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, bà Đ không thừa nhận đã nhận tiền lãi 115.000.000 đồng như bà H trình bày mà chỉ thừa nhận đã nhận 20.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ sự thừa nhận của bà Đ để buộc bà Đ cấn trừ tiền lãi 20.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với ông Thái Minh C là chồng của bà H và có tên trong giấy mượn tiền. Tuy nhiên, bà Đ, bà H đều xác định ông C không liên quan đến việc mượn tiền; bà H cũng không sử dụng số tiền vay cho sinh hoạt gia đình, bà Đ rút yêu cầu về yêu cầu ông C liên đới trả nợ và rút một phần yêu cầu khởi kiện theo số tiền nợ gốc thực tế nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút là có căn cứ.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình và yêu cầu trả nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và không đồng ý với phương thức trả nợ của bị đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Ngọc H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Hồ Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002765 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thai hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Trứ